

Lai Châu, ngày tháng năm 2025

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT BAN HÀNH MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 17/2024/QĐ-UBND	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Bố cục gồm 05 điều	Bố cục	Dự thảo có 3 Điều
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường (bao gồm các nhiệm vụ, dự án, đề tài, chương trình bảo vệ môi trường) do ngân sách nhà nước bảo đảm trên địa bàn tỉnh.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường (bao gồm các dự án, đề án, chương trình bảo vệ môi trường nếu có) do ngân sách nhà nước bảo đảm trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	Dự thảo Nghị quyết giữ nguyên như quy định hiện tại tại Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND.
2. Đối tượng áp dụng Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp.	Dự thảo Nghị quyết giữ nguyên như quy định hiện tại tại Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND
Điều 3. Nội dung, mức chi 1. Quy định cụ thể một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh (có phụ lục kèm theo). 2. Đối với các nhiệm vụ, dự án chưa quy định cụ thể tại khoản 1 Điều này chi theo định mức, đơn giá, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. 3. Các nội dung khác liên quan đến kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường không quy định tại Quyết định này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số	Điều 3. Một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu 1. Một số mức chi cụ thể theo phụ lục đính kèm. 2. Đối với các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 05 năm 2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và	Phụ lục chi tiết

Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 17/2024/QĐ-UBND	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.	Thông tư số 94/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.	
Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị	Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	
Điều 5. Điều khoản thi hành	Điều 5. Điều khoản thi hành Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2025. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ ba mươi hai thông qua ngày ... tháng ... năm 2025.	Dự thảo Nghị quyết xây dựng theo quy định tại Điều 53, Điều 59 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
PHỤ LỤC: MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (Ban hành kèm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)	PHỤ LỤC: MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (Ban hành kèm theo Nghị quyết)	Dự thảo có 3 Điều
1. Lập nhiệm vụ, dự án Thực hiện theo quy định tại mục 1 Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC)	1. Lập nhiệm vụ, dự án Thực hiện theo quy định tại mục 1 Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC)	Dự thảo Nghị quyết giữ nguyên như quy định hiện tại Quyết định 17/2024/QĐ-UBND.
2. Hợp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có) - Chủ tịch Hội đồng 350.000đ/ người/buổi. - Thành viên, thư ký:	2. Hợp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có) - Chủ tịch Hội đồng 350.000đ/ người/buổi. - Thành viên, thư ký: 250.000đ/ người/buổi.	Dự thảo Nghị quyết giữ nguyên như quy định hiện tại tại Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND

Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 17/2024/QĐ-UBND	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
250.000đ/ người/buổi. Đại biểu được mời tham dự 100.000đ/người/buổi. Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện: 350.000đ/ Bài viết. Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng: 200.000đ/ Bài viết.	Đại biểu được mời tham dự 100.000đ/người/buổi. Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện: 350.000đ/ Bài viết. Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng: 200.000đ/ Bài viết.	
3. Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết): 400.000đ/bài viết	3. Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết): 400.000đ/bài viết	Dự thảo Nghị quyết giữ nguyên như quy định hiện tại tại Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND
4. Điều tra, khảo sát 4.1. Lập mẫu phiếu điều tra: 350.000đ/Phiếu mẫu được duyệt. 4.2. Chi cho đối tượng cung cấp thông tin (tổ chức, cá nhân): Thực hiện theo Nghị quyết số: 28/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh. 4.3. Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài): Mức tiền công 01 người/ngày tối đa không quá 150% mức lương cơ sở tính theo lương ngày do nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày) 4.4. Chi cho người dẫn đường: 100.000đ/người/ngày 4.5. Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc: 200.000đ/người/ngày	4. Điều tra, khảo sát 4.1. Lập mẫu phiếu điều tra: 350.000đ/ Phiếu mẫu được duyệt 4.2. Chi cho đối tượng cung cấp thông tin: - Cá nhân: 50.000đ/phiếu - Tổ chức: 100.000đ/phiếu 4.3. Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài): Mức tiền công 01 người/ngày tối đa không quá 150% mức lương cơ sở tính theo lương ngày do nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày) 4.4. Chi cho người dẫn đường: 100.000đ/ người/ngày 4.5. Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc: 200.000đ/ người/ngày	Dự thảo Nghị quyết giữ nguyên như quy định hiện tại tại Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND
5. Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ: - Nhiệm vụ: 3.000.000đ/báo cáo. - Dự án: + Dự án có giá trị dưới 500 triệu đồng: 6.000.000đ/báo cáo. + Dự án có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 2.000 triệu đồng: 8.000.000đ/ báo cáo.	5. Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ: - Nhiệm vụ: 3.000.000đ/báo cáo. - Dự án: + Dự án có giá trị dưới 500 triệu đồng: 6.000.000đ/báo cáo. + Dự án có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 2.000 triệu đồng: 8.000.000đ/ báo cáo.	Dự thảo Nghị quyết giữ nguyên như quy định hiện tại tại Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND

Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 17/2024/QĐ-UBND	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
+ Dự án có giá trị từ 2.000 triệu đồng trở lên: 10.000.000đ/ báo cáo.	+ Dự án có giá trị từ 2.000 triệu đồng trở lên: 10.000.000đ/ báo cáo.	
6. Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường; Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có) - Chủ tịch Hội đồng: 500.000đ/ người/buổi. - Phó Chủ tịch Hội đồng: 400.000đ/người/buổi. - Ủy viên, thư ký hội đồng thẩm định: 250.000đ/ người/buổi. - Đại biểu được mời tham dự: 100.000đ/người/buổi - Bài nhận xét của ủy viên phản biện: 400.000đ/bài viết. - Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng (nếu có): 250.000đ/ Bài viết. - Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03): 300.000đ/ Bài viết.	6. Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường; Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường; Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có) - Chủ tịch Hội đồng/Trưởng đoàn: 500.000đ/ người/buổi. - Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó trưởng đoàn (nếu có): 400.000đ/người/buổi. - Ủy viên, thư ký hội đồng/thành viên, thư ký đoàn kiểm tra: 250.000đ/ người/buổi. - Đại biểu được mời tham dự: 100.000đ/người/buổi - Bài nhận xét của ủy viên phản biện: 400.000đ/bài viết. - Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng (nếu có): 250.000đ/ Bài viết. - Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03): 300.000đ/bài viết.	Cơ bản giữ nguyên như quy định tại Quyết định 17/2024/QĐ-UBND, tuy nhiên, bổ sung thêm nội dung chỉ cho “Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường” để đảm bảo quy định tại khoản 9 Điều 18 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và khoản 5 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
7. Hội thảo khoa học (nếu có) Người chủ trì: 400.000đ/người/buổi hội thảo. Thư ký hội thảo: 250.000đ/Người/buổi hội thảo. Đại biểu được mời tham dự: 100.000đ/ người/buổi hội thảo Báo cáo tham luận: 300.000đ/bài viết	7. Hội thảo khoa học (nếu có) Người chủ trì: 400.000đ/người/buổi hội thảo. Thư ký hội thảo: 250.000đ/Người/buổi hội thảo Đại biểu được mời tham dự: 100.000đ/ người/buổi hội thảo Báo cáo tham luận: 300.000đ/bài viết	Dự thảo Nghị quyết giữ nguyên như quy định hiện tại tại Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND
8. Hội đồng nghiệm thu dự án,	8.Hội đồng nghiệm thu dự án,	

Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 17/2024/QĐ-UBND	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
nhiệm vụ 8.1. Nghiệm thu nhiệm vụ: Chủ tịch Hội đồng: 300.000đ/người/buổi. Thành viên, thư ký: 150.000đ/người/buổi 8.2. Nghiệm thu dự án: Chủ tịch Hội đồng: 500.000đ/người/buổi Thành viên, thư ký Hội đồng: 300.000đ/người/buổi Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện: 400.000đ/ bài viết. Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng (nếu có): 300.000đ/bài viết. Đại biểu được mời tham dự: 100.000đ/ người/buổi.	nhiệm vụ 8.1. Nghiệm thu nhiệm vụ: Chủ tịch Hội đồng: 300.000đ/người/buổi. Thành viên, thư ký: 150.000đ/người/buổi 8.2. Nghiệm thu dự án: Chủ tịch Hội đồng: 500.000đ/người/buổi Thành viên, thư ký Hội đồng: 300.000đ/người/buổi Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện: 400.000đ/ bài viết. Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng (nếu có): 300.000đ/bài viết. Đại biểu được mời tham dự: 100.000đ/ người/buổi.	Dự thảo Nghị quyết giữ nguyên như quy định hiện tại tại Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND
9. Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã 9.1. Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện: Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,0 lần hệ số lương bậc 1 công chức loại A1 theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với CB, CC, VC và LLVTND với mức LCS do NN quy định. 9.2. Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã: Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,2 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định	9. Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã: Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,2 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định	Dự thảo Nghị quyết quy định chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã giữ nguyên như quy định hiện tại tại Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND; bỏ quy định Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện cho phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp (từ 01/7/2025 bỏ cấp huyện).
10. Chi giải thưởng môi trường: + Tổ chức: Giải Nhất: 3.000.000đ/giải. Giải Nhì: 2.000.000đ/giải Giải Ba: 1.000.000đ/giải.	10. Chi giải thưởng môi trường: + Tổ chức: Giải Nhất: 3.000.000đ/giải. Giải Nhì: 2.000.000đ/giải Giải Ba: 1.000.000đ/giải.	Cơ bản giữ nguyên như quy định tại Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND. Tuy nhiên, vì qua công tác đánh giá nhận thấy rằng mức chi cho cá nhân giải ba đang bằng mức chi cho tổ chức,

Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 17/2024/QĐ-UBND	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
+ Cá nhân: Giải Nhất: 2.000.000đ/ giải. Giải Nhì: 1.500.000đ/ giải. Giải Ba: 1.000.000đ/ giải.	+ Cá nhân: Giải Nhất: 2.000.000đ/ giải. Giải Nhì: 1.000.000đ/ giải. Giải Ba: 500.000đ/ giải.	như vậy không đảm bảo tính công bằng vì tổ chức sẽ cần sự tham gia của nhiều người nên mức thưởng cũng cần quy định cao hơn mức thưởng cho cá nhân. Do đó, đối với nội dung này cũng cần sửa đổi, bổ sung cho hợp lý